

NHỮNG CỘI NGUỒN VĂN HÓA GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NỀN TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN DU

Đậu Thị Hồng*

Tóm tắt: Bất cứ một trường phái triết học, một tư tưởng hay cách ứng xử của một cá nhân đều có nguồn gốc và bị quy định bởi rất nhiều nhân tố. Đó thường là sự phức hợp, đan xen hữu cơ của các yếu tố quy định nên nó. Việc tách bạch một vài nhân tố và coi đó là nguồn gốc của sự ra đời các trường phái, tư tưởng trong thực tế khó có thể diễn tả được đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên đó là thao tác cần thiết để khảo cứu trong sự tương quan với các biểu hiện của tư tưởng. Theo quan điểm của tác giả, tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du được hình thành dựa trên hai yếu tố cơ bản: những tiên đề lý luận đặc biệt là nguồn cội văn hóa mà Nguyễn Du lĩnh hội trong suốt cuộc đời và những cơ sở hiện thực của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung thảo luận về những cội nguồn văn hóa - nền tảng tinh thần quan trọng trong việc hình thành tư tưởng nhân văn Nguyễn Du.

Từ khóa: Tư tưởng nhân văn, văn hóa, Nguyễn Du, lịch sử dân tộc.

1. Mở đầu

Trong văn mạch và tư tưởng dân tộc Việt Nam, tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du giữ một vị trí quan trọng. Đó là kết quả của phát triển chủ nghĩa nhân văn trong nền văn hóa dân tộc suốt chiều dài lịch sử, được tích tụ trong nhân cách văn hóa và biểu hiện ra bằng tài năng và trí tuệ đỉnh cao. Tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du là sự kết tinh của các không gian văn hóa Đại Việt cùng với chiều dài lịch sử của truyền thống nhân văn dân tộc và sự tiếp biến các tư tưởng - tôn giáo lớn trên thế giới. Chính đặc điểm này làm cho nó có giá trị lớn, quy tụ được nhiều vấn đề của xã hội hiện thực và tương lai, là tiếng nói thiết tha không chỉ của nhân dân Việt Nam mà còn của nhân loại. Những nguồn cội được trình bày dưới đây có những ý nghĩa nhất định trong việc quy định sự hình thành và những biểu hiện đặc sắc của tư tưởng nhân văn Nguyễn Du. Tuy nhiên, để có sự hội tụ của các nguồn gốc tinh thần đó, yếu tố cá nhân nhà thơ với sự đột phá của một thiên tài mẫn cảm với thế sự, một “con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời” (1) một cuộc đời nhiều “đâu bể” đã kết nối, lĩnh hội

và lan tỏa các vấn đề nhân văn tạo nên đỉnh cao nhân văn truyền thống dân tộc Việt Nam.

2. Văn hóa Hồng Lam và văn hóa Thăng Long

Nguyễn Du tuy không sinh ra chính ngay trên quê hương Hà Tĩnh (Nguyễn Du sinh ở Thăng Long) nhưng vùng đất được mệnh danh “địa linh nhân kiệt” là một trong những nguồn suối tinh thần quan trọng hun đúc nên tư tưởng nhân văn của ông. Theo các nghiên cứu để lại, trong cuộc đời 55 năm của mình, Nguyễn Du có khoảng 10 năm (giai đoạn 1778-1783 và 1796-1802) sống ở quê hương Hồng Lam. Mảnh đất xứ Nghệ nằm ở vị trí trung tâm tính theo chiều dài của đất nước. Về văn hóa tinh thần, văn hóa Hồng Lam nghiêng về Bắc Hà (trung tâm là Thăng Long - Hà Nội) với sự uyển chuyển, tinh tế, nho nhã. Ở đây cũng là nơi biểu hiện sự đặc sắc của các hình thức văn hóa dân gian như hát ví, hát giặm. Chính không gian văn hóa đó đã nuôi dưỡng tâm hồn, ngấm vào máu thịt nhà thơ. Dễ nhận thấy những sáng tác của ông chịu ảnh hưởng của văn hóa dân gian vùng miền rất đậm đặc. Việc Nguyễn Du lựa chọn thể thơ lục bát để viết nên kiệt tác *Truyện Kiều* dựa vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân cho thấy sự hấp thụ và chắt lọc những tinh túy của văn hóa

* ThS. Đại học Hà Tĩnh.

dân gian ở ông như thế nào. Hay trong một số nghiên cứu, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy mối quan hệ giữa hát phường vải với các sáng tác của ông mà trong đó tiêu biểu là *Truyện Kiều*.

Khi nghiên cứu những ảnh hưởng của quê hương đến tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du chúng tôi tìm thấy nhiều gợi ý trong lý giải của GS. Trần Quốc Vương về “tính sông nước” (2) của văn hóa Việt Nam để hiểu hơn về đặc trưng của văn hóa Hồng Lam. Hay nói cách khác, đặc sắc trong văn hóa xứ Nghệ đó là sự kết hợp cương - nhu (được lý giải một phần dựa vào đặc trưng địa lý gồm núi và nước liền kề, đặc biệt là vùng đất Nghi Xuân - quê hương Nguyễn Du). Và có lẽ, cái yếu tố cương ở đây chính là tinh thần chiến đấu kiên cường trước kẻ thù, là sự mạnh mẽ trước những thách thức khắc nghiệt của thiên nhiên và không thỏa hiệp trước cái xấu, cái ác. Nhưng người xứ Nghệ cũng hết sức mềm mại, uyển chuyển trong tư duy như cái “nhu” của nước vậy.

Hay những địa danh như Giang Đình qua cái nhìn của Nguyễn Du đã trở thành điểm hội tụ của văn hoá tôn vinh người tài một thời.

Trong yếu tố quê hương không thể không nhắc tới sự ảnh hưởng của dòng họ đối với nhân cách văn hóa và tư tưởng Nguyễn Du. Học thuyết di truyền sinh học kèm theo di truyền văn hóa lý giải cho chúng ta điều đó. Dòng họ Nguyễn Tiên Điền không phải chỉ có rất nhiều người nổi danh chốn quan trường như câu ca dao người đời hay truyền tụng: “Bao giờ Ngàn Hồng hết cây/ Sông Rum hết nước họ này hết quan” mà còn có nhiều nhân vật nổi tiếng trên tất cả các lĩnh vực như nho, y, lý, số, kinh, sử, tử, tập, thơ phú... Nguyễn Du sinh ra trong một gia đình quan lại, gia đình văn hóa với cha là Nguyễn Nhiệm thi đỗ tiến sỹ và giữ nhiều trọng trách dưới thời Lê, mẹ là một người phụ nữ Bắc Ninh vốn nhiều chất đa tình và nghệ sỹ của vùng văn hóa Kinh Bắc. Cha và mẹ Nguyễn Du đại diện cho hai vùng văn hóa khá tiêu biểu của Việt Nam

(văn hóa Hồng Lam xứ Nghệ và văn hóa Kinh Bắc). Một gia đình “đanh gia” như thế chắc chắn là yếu tố quan trọng hun đúc nên phẩm chất hơn người của Nguyễn Du.

Năm 1803 Nguyễn Du được triều đình nhà Nguyễn cử làm chánh sứ nhà Thanh, được trực tiếp trải nghiệm và chiêm nghiệm văn hóa Trung Hoa. Năm Ất Sửu 1805 Nguyễn Du được thăng Đông các Đại học sĩ, hàm ngũ phẩm vào nhận chức ở kinh đô Phú Xuân và tất nhiên ở chốn kinh đô Huế ông sẽ chịu ảnh hưởng của văn hóa Huế.

Bên cạnh đó, văn hóa Thăng Long có vai trò quan trọng nhất định trong việc hình thành nên con người nhân văn Tố Như cùng những tư tưởng của ông. Văn hóa Thăng Long là nơi hội tụ và kết tinh tinh hoa văn hóa mọi miền đất nước và là nơi sinh ra cái chất thanh lịch ngàn năm văn vật. Nguyễn Du sinh ra và lớn lên tại Thăng Long nên vai trò của không gian văn hóa Thăng Long đối với sự hình thành quan niệm về con người và xã hội, cũng như sự hình thành quan điểm đạo đức thẩm mỹ của nhà thơ là rất lớn. Nguyễn Du chứng kiến lối sống của tầng lớp quý tộc, ông trải qua những biến cố chính trị lớn lao của thời đại, và ông cũng được tham dự những hình thức sinh hoạt văn hóa nghệ thuật khác nhau của con người đất Thăng Long, từ nghệ thuật trình diễn cung đình đến hát xướng trong gia đình. Thăng Long trong thời đại Nguyễn Du còn là nơi tập trung nhiều dòng sách vở và tác phẩm văn học Trung Quốc. Dấu ấn văn hóa Thăng Long đối với Nguyễn Du ở giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình hình thành nhân cách cũng như tâm hồn - giai đoạn bắt đầu trưởng thành. Có lẽ không quá khi cho rằng nếu không có quãng thời gian sống và thấm nhiễm bầu khí quyển văn hóa đế đô ngàn năm lịch sử đó sẽ khó có một Nguyễn Du tài hoa và tinh tế trong thơ văn chữ Hán và Nôm. Cái dòng chảy lấp lánh của văn hóa đất kinh kỳ ấy không chỉ hình thành nên cốt cách con người mà về sau còn soi chiếu rất nhiều vào tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Du. Kinh đô Thăng Long cùng với

Kinh Bắc và phố Hiến đã góp phần hình thành một xã hội thị dân là một môi trường kinh tế - văn hóa mang tính phi cổ truyền ở miền Bắc Việt Nam vào thế kỉ XVIII, đó chính là mảnh đất màu mỡ để cho những điều mới lạ được nảy sinh, các loại hình tình cảm cá nhân dần có điều kiện để thể hiện. Một tâm hồn nghệ sĩ như Nguyễn Du không có lý gì lại bỏ qua một vùng văn hóa với những điểm tương giao với mình như thế. Và cũng như một lẽ đương nhiên, môi trường văn hóa “phi cổ truyền” ấy đã tác động đến nhà thơ, làm nảy sinh những sắc thái tư tưởng, tình cảm “phi cổ truyền” thể hiện ra dưới những sáng tạo văn học. Những khát vọng tình yêu tự do vượt ra khỏi khuôn khổ lễ giáo phong kiến, những chiêm nghiệm “hiện sinh” về thân phận người, những suy tư trăn trở về người phụ nữ tài hoa là những biểu hiện của một tư tưởng lớn muốn thoát khỏi những khuôn sáo đã lạc hậu, lỗi thời của hệ tư tưởng Nho giáo.

Chính sự đan xen, hòa quyện và hội tụ của văn hóa các vùng miền trong nhân cách văn hóa Nguyễn Du là yếu tố quan trọng trong cốt lõi nghiệm sinh, trong cảm quan về cuộc đời và con người của ông. Nguyễn Du lĩnh hội yếu tố văn hoá sơn thủy của xứ Hồng Lam như là biểu trưng cho cái bền vững, có thể làm chỗ tựa, và văn hoá kinh kỳ Thăng Long - như là biểu trưng, chứng tích cho cái biến đổi, khôn lường, điều mà Nguyễn Du khôn nguôi day dứt, muốn tìm cách hóa giải là kiếp phù du của nhân gian, của phận người trước sóng gió dâu bể. Chính sự hội tụ và phức hợp các truyền thống văn hóa: Hồng Lam, Kinh Bắc, Thăng Long và Huế mà nhân quan chính trị và văn hóa của Nguyễn Du rất rộng lớn, không chỉ dừng lại ở con người thi nhân mà Nguyễn Du vượt ra cái ranh giới của văn hóa vùng miền để vươn tới tầm quốc gia và nhân loại.

3. Truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam

Tinh thần nhân văn là giá trị cơ bản và cốt lõi trong truyền thống văn hóa dân tộc Việt

Nam. Nó thể hiện bản sắc, trí tuệ, phẩm chất và bản lĩnh của con người Việt Nam. Chủ nghĩa nhân văn ấy không đơn thuần chỉ là một bộ phận của văn hoá, cũng không phải là một bộ phận của đời sống xã hội; nó là bản chất - linh hồn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Nó thấm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như là huyết mạch của cơ thể sống, là hệ thần kinh điều chỉnh suy nghĩ, hành động của con người và xã hội Việt Nam. Tinh thần nhân văn ấy được hình thành và phát triển trong điều kiện đặc biệt của không gian mang đặc trưng phương thức sản xuất châu Á, trong khoảng thời gian dài của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Lịch sử tư tưởng Việt Nam thể hiện tập trung ở hai vấn đề đặc thù: tư tưởng triết học về số phận của cá nhân con người và tư tưởng triết học về số phận của đất nước. Xét một cách tương đối, tư tưởng triết học về số phận của cá nhân con người sẽ hình thành nên chủ nghĩa nhân văn và tư tưởng về số phận của đất nước hình thành nên chủ nghĩa yêu nước. Tuy nhiên với đặc thù của dân tộc Việt Nam, số phận đất nước luôn đứng trước những chông gai với sự dòm ngó của ngoại bang, vì vậy, vấn đề sống còn của đất nước gắn với con người và tư tưởng yêu nước trở thành một nét đặc sắc của chủ nghĩa nhân văn. Những giá trị nổi bật đó được Nguyễn Du kế thừa và phát triển tạo nên tư tưởng nhân văn đặc sắc.

Dân tộc Việt Nam luôn phải đương đầu với những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên cũng như kẻ thù xâm lược nên một cách rất hiển nhiên, con người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay đã hình thành lối sống nhân ái, vị tha, nương tựa, đùm bọc lẫn nhau với phương châm xử thế là “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”... Tình yêu thương ấy trước hết dành cho những con người trong cộng đồng dân tộc mình; đồng thời, cũng dành cho cả những người ở bên kia chiến tuyến nhưng đã biết ăn năn hối cải để nâng đỡ họ, giúp họ trở về với lẽ phải, với chính nghĩa. Khi ấy,

tình yêu thương con người của dân tộc Việt Nam đã chuyên chở tinh thần khoan dung mang tính nhân loại.

Thái độ tôn trọng, đề cao con người và những giá trị tốt đẹp của con người của nền văn hoá Việt Nam thấm đẫm tinh thần nhân văn trước hết vì nó luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, luôn coi con người là sự kết tinh những gì tinh túy nhất của tạo hoá. Từ những câu tục ngữ, ca dao truyền miệng “người ta là hoa của đất”, “người sống đồng vàng”, “một mặt người bằng mười mặt của”..., đến những câu chuyện cổ tích, huyền thoại mang dáng dấp và suy tư của người Việt. Kế thừa truyền thống tốt đẹp đó, nhiều triều đại quân chủ Việt Nam độc lập trong lịch sử với phương châm “lấy dân làm gốc” trong việc ban hành các chủ trương, chính sách từ kinh tế, xã hội, văn hoá, pháp luật đến an ninh, quốc phòng, ngoại giao. Những chính sách như “khoan, giãn, an, lạc” của triều Khúc Thừa Dụ, “ngụ binh ư nông” của triều Lý, “Khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ” của triều Trần, hay quan niệm “dân như nước có thể đẩy thuyền, lật thuyền” của triều Lê... đã thể hiện được thái độ tôn trọng con người hết sức căn bản. Những tư tưởng của các nhà tư tưởng nổi tiếng như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu... cũng thể hiện rất rõ thái độ yêu thương, trân trọng những giá trị của con người; tất cả tạo thành truyền thống quý báu vun đắp nên giá trị nhân văn Việt Nam.

Một đặc điểm khá nổi bật trong văn hoá truyền thống Việt Nam mang đậm tinh thần nhân văn là đề cao người phụ nữ được Nguyễn Du kế thừa và phát triển trong một tâm thức mới, với những vấn đề đặc thù của hiện thực xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Với nền văn minh lúa nước, yếu tố tính nữ được đề cao và vì thế trong nhân sinh quan của người Việt thái độ tôn trọng, đề cao người phụ nữ được thể hiện một cách đa dạng. Các nhà văn hóa học đã phát hiện nguyên lý mẹ, nguyên lý âm trong cấu

trúc văn hóa Việt Nam từ trong sản xuất đến ứng xử văn hóa. Triết lý đó được biểu hiện qua văn hóa dân gian với nhiều hình thức phong phú như ca dao, tục ngữ, truyền thuyết; hay tín ngưỡng thờ mẫu, thờ mẹ; nó được tiếp tục phát huy ở các triều đại phong kiến Việt Nam vốn mang nặng tư tưởng - giá trị quan Nho giáo. Điều đó thể hiện rõ nét nhất trong Bộ luật Hồng Đức của nhà Lê. Bộ luật này đã cải thiện một cách khá căn bản địa vị của người phụ nữ trong xã hội khi quy định người vợ có quyền quản lý tài sản của gia đình (khi chồng chết) và có quyền thừa kế như nam giới, hình phạt cho phạm nhân nữ bao giờ cũng thấp hơn so với phạm nhân nam. Những tiến bộ vượt trước thời đại này là minh chứng thuyết phục cho chủ nghĩa nhân văn trong văn hoá Việt Nam. Nguyễn Du đã nâng nhận thức của dân tộc lên một trình độ mới khi tập trung sự chú ý, tôn trọng, đề cao người phụ nữ có số phận bất hạnh, thân phận thấp hèn. Điểm đặc biệt là ông đã phát hiện, bày tỏ những nhu cầu rất bản năng của người phụ nữ, những khát vọng rất “người” mà trong xã hội khi đó không mấy ai dám bộc lộ như vấn đề tự do yêu đương, tự do tìm kiếm và lựa chọn hạnh phúc. Hiện lên trong thơ văn Nguyễn Du là hình ảnh những người phụ nữ quần quai trên con đường đi tìm kiếm hạnh phúc, khẳng định giá trị thân thể và tinh thần của mình, đó là những người dù bị vùi dập trong xã hội vốn nhiều nhượng nhưng vẫn đau đáu với khát vọng được sống, được làm người. Đây chính là đỉnh cao của tinh thần nhân văn đấu tranh cho hạnh phúc con người của truyền thống nhân văn Việt Nam.

Như vậy, có thể khẳng định tinh thần nhân văn trong truyền thống văn hóa Việt Nam được Nguyễn Du kế thừa và phát triển trên những khía cạnh và bình diện mới trước những vấn đề của hiện thực xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Nguyễn Du là người “tổng hợp” những quan niệm nhân văn của thời đại tạo nên tư tưởng nhân văn đặc sắc của mình. Với tình yêu thương

con người vô bờ bến, Nguyễn Du đã đề cao, tôn trọng, tin tưởng và phát hiện ra những phẩm chất tốt đẹp bên trong những người dưới đáy xã hội, nhìn nhận những khát vọng chân chính của con người với một thái độ yêu thương và trân trọng nhất. Đặc biệt, trong nguồn mạch suy tư đó, Nguyễn Du dành tình cảm thiết tha nhất cho thân phận người phụ nữ, xem họ là những nhân cách văn hóa đáng trân trọng và khát vọng giải phóng họ khỏi những ràng buộc của lễ giáo, của xã hội trở thành bức thiết trong những chiêm nghiệm của ông.

4. Sự giao thoa các hệ thống tư tưởng - tôn giáo lớn: Nho - Phật - Đạo

Nho giáo là học thuyết chính trị - xã hội, đạo đức chứa nhiều yếu tố nhân văn. Nho giáo Việt Nam về cơ bản là tiếp thu Nho giáo Trung Quốc trên nền tảng văn hóa bản địa, cho nên nó không còn giữ nguyên trạng thái nguyên sơ mà có những biến đổi nhất định. Quá trình du nhập và tiến tới xác lập vị trí Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam cũng là quá trình tiếp biến văn hóa hết sức sáng tạo của con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử.

Tinh thần nhân văn nổi bật của Nho giáo chính là quan điểm đề cao đạo lý của con người, đề cao giá trị và những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung hiếu, kính đễ,... Trong đó đức nhân được xem là phạm trù trung tâm trong học thuyết Nho giáo. Tinh thần nhân văn của Nho giáo còn được biểu hiện ở khía cạnh giáo dục, giáo hóa con người thành những người có lý tưởng, có tâm - tài để phục vụ xã hội. Tuy nhiên, Nho giáo cũng là học thuyết mang tính hai mặt, chứa đựng cả yếu tố tích cực lẫn tiêu cực, cả yếu tố nhân bản lẫn những yếu tố phi nhân bản. Quan niệm chủ trương yêu thương con người, nhưng không đặt trong mối quan hệ bình đẳng, mà phải nằm trong trật tự “luân thường”. Nho giáo tỏ thái độ phân biệt rất rõ ràng về đối tượng của sự yêu thương. Đối tượng đó không giống nhau, mà có sự sai đáng,

phải phân biệt theo sự thân sơ, đẳng cấp, tước vị. Nó quá đề cao quan hệ huyết thống, tuyệt đối hóa các quan hệ gia đình, dòng tộc, quan hệ máu mủ. Khẳng định “nhân” là phẩm chất đạo đức cao quý, là mục đích cao nhất của sự tu dưỡng, nhưng coi đó không phải là phẩm chất chung của những con người bình thường, mà chỉ là phẩm chất của người quân tử, là đức của người cầm quyền. Nho giáo quan niệm *nhân* là đức mục cao nhất của người quân tử, người có đạo. Như vậy Nho giáo đã giới hạn đối tượng mang yếu tố *nhân*: “có thể có người quân tử không nhân, chưa từng nghe có kẻ tiểu nhân lại có nhân” (Quân tử nhi bất nhân giả, hữu hỹ phù. Vị tiểu nhân nhi nhân giả giả) (3), coi đó là phẩm chất, đức hạnh riêng có của một số người thuộc tầng lớp thống trị.

Nguyễn Du xuất thân trong gia đình danh gia, sớm tiếp cận với nền giáo dục Nho học, cho nên trong tư tưởng của ông Nho giáo giữ một vị trí đặc biệt. Sự ảnh hưởng của Nho giáo trong tư tưởng của Nguyễn Du được đánh giá trước nay chủ yếu ở thuyết thiên mệnh, nhưng cũng cần thấy được những yếu tố khác ảnh hưởng đến tư tưởng nhân văn của ông từ đó có sự đối sánh và thấy rằng tư tưởng nhân văn của Nguyễn Du rõ ràng đã vượt xa khỏi tư tưởng nhân văn Nho giáo, nó thiết thực và gần gũi đối với người dân Việt Nam hơn rất nhiều. Mặt khác, những lý tưởng và giá trị đạo đức Nho giáo như trung, hiếu, trinh đã được Nguyễn Du nhìn nhận ở góc độ mang tính nhân văn hơn và phù hợp với nhân sinh người Việt. Một điểm khác biệt và tiến bộ trong tư tưởng nhân văn Nguyễn Du so với Nho giáo, đó là việc ông đã thay đổi quan điểm về đối tượng quan tâm từ con người thân dân sang con người cá nhân với những khát vọng rất đời thực, và từ mẫu người quân tử sang người phụ nữ...

Như vậy, mặc dầu chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhân văn Nho giáo nhưng Nguyễn Du không tiếp nhận tư tưởng này một cách thụ động, rập khuôn mà có sự kế thừa, thậm chí phê phán một số khía cạnh trên cơ sở những yêu cầu của thực tiễn xã hội Việt Nam, và

những ảnh hưởng của truyền thống nhân văn dân tộc với một nhãn quan tiến bộ.

Phật giáo được truyền bá vào nước ta rất sớm. Triết lý Phật giáo với đức hiếu sinh, khoan dung, bác ái, từ bi, cứu khổ, cứu nạn đã trở thành một trong những nguồn gốc sâu xa của lòng thương người, của chủ nghĩa nhân đạo dân tộc Việt Nam. Tính hướng thiện và tình thương mang bản sắc Việt Nam được con người Việt Nam hun đúc trong quá trình dựng nước và giữ nước trên nền tảng sắc thái tư duy người Việt được hòa quyện cùng tinh thần bình đẳng, vị tha, tôn trọng, yêu thương con người của Phật giáo. Từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo luôn đồng hành cùng những bước thịnh suy và đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn đời sống tinh thần cho con người trên nền tảng tình thương yêu đồng loại, tinh thần từ bi, vô ngã vị tha. Nó là chất keo kết dính tạo nên khối đoàn kết cộng đồng sâu rộng trong công cuộc dựng nước và là một nhân sinh quan, một tiêu chuẩn đạo đức của người Việt. Tinh thần tự do tư tưởng và bình đẳng xã hội là những giá trị mà con người Việt Nam linh hội được từ những triết lý dung dị của Phật giáo. Triết lý nhân sinh của Phật giáo không chỉ đề cao những phẩm chất tốt đẹp của chúng sinh như lòng từ bi, hi xả mà còn quan tâm lớn đến nguyên nhân của những khổ đau của con người trên thế gian và tìm những con đường, cách thức giải thoát con người khỏi nỗi khổ của cuộc đời. Mặc dầu còn nhiều yếu tố duy tâm, nhưng những cố gắng của Phật giáo nhằm đem đến cho chúng sinh cuộc sống tốt đẹp chính là giá trị nhân văn cao cả của Phật giáo và nó có ảnh hưởng tới nhân sinh quan của các nhà tư tưởng Việt Nam. Đối với Nguyễn Du, mối thiện cảm dành cho Phật giáo là rất lớn. Tinh thần từ bi của Phật giáo thấm đẫm trong nhiều sáng tác của Nguyễn Du tiêu biểu như *Văn tế thập loại chúng sinh* và *Truyện Kiều*. Tình thương trong suy tư của Nguyễn Du chịu ảnh hưởng của tinh thần từ bi của Phật giáo, vượt lên mọi thứ tình thương hẹp hòi ích kỷ, nó là tình thương yêu con người rộng lớn, không hạn định. Qua các tác phẩm của mình, Nguyễn Du cảm thông với

số phận con người, coi trọng tự do, hạnh phúc và quyền được mơ ước, quyền được tìm kiếm hạnh phúc cá nhân của con người. Nguyễn Du đề cao chữ Tâm, coi đó là cốt lõi nhân cách đáng trân trọng ở con người. Thông qua các tác phẩm của mình, Nguyễn Du cho chúng ta thấy rằng sự lựa chọn Phật giáo không phải là sự lựa chọn ngẫu nhiên hay vì quẫn bách mà nó là sự tự do lựa chọn, sự lựa chọn có ý đồ khi tư tưởng nhân văn Phật giáo đã hòa vào trong tâm hồn nhà thơ. Nó là sự lựa chọn nhưng cũng chính là sự tất yếu. Trong quá trình đi tìm câu trả lời cho những vấn nạn nhân sinh, Nguyễn Du đã dừng lại ở tư tưởng Phật giáo, nhờ Phật giáo để giải quyết những bế tắc, tuyệt vọng của con người trong xã hội hiện thực đó.

Ngoài ra Nguyễn Du còn chịu ảnh hưởng của Đạo giáo. Điều dễ nhận thấy nhất trong tư tưởng đó là xu hướng tâm linh, đặt cảm tình vào những phép bùa chú, phù thủy của trường phái Đạo gia hơn là nghiên cứu sâu những khía cạnh triết học của nó. *Truyện Kiều* là minh chứng rõ rệt nhất về điều đó. Lý giải số phận con người thông qua quan niệm “tài mệnh tương đố” của Nho giáo, quan niệm “nghiệp báo - nhân quả” của Phật giáo và bói toán tướng số của Đạo giáo. Tuy nhiên, trong quan niệm ứng xử của Nguyễn Du chúng ta có thể nhận thấy ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử khi chú trọng cách xử thế vô tư, hòa hợp, bao dung với mọi người, từ đó tạo nên những quan niệm nhân sinh tiến bộ của ông đối với con người đặc biệt là những số phận yếu thế trong xã hội lúc bấy giờ.

Rõ ràng trong văn chương và tư tưởng, sự dung hòa Nho - Phật - Đạo là một đặc điểm khá tiêu biểu của Nguyễn Du. Cốt lõi và xuất phát cũng như mục tiêu của sự dung hòa đó, theo chúng tôi chính là việc hướng tới giá trị nhân văn của con người. Chủ nghĩa nhân bản, nhân đạo, nhân văn trở thành mẫu số chung của các triết thuyết tôn giáo và tư tưởng dân tộc Việt để từ đó có sự giao hòa, tương đồng nhằm đạt tới mục tiêu cao cả. Từ trong tâm thức văn hóa và con người Việt

Nam, thái độ dung hòa tôn giáo trở thành một đặc điểm lịch sử của những suy tư, chiêm nghiệm về các vấn đề nhân sinh quan. Nguyễn Du là người kế thừa và triển khai nó trong bối cảnh lịch sử tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Ông giải thích nguyên nhân của mọi nỗi khổ đau, bất hạnh của con người từ trong các triết thuyết Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo cùng tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Ông tin vào Mệnh, vào Phận, cho rằng nó là nguyên nhân chi phối cuộc đời con người. Nhưng vượt lên những lý giải tôn giáo đó, Nguyễn Du đã đứng trên tâm thế của tư duy Việt với truyền thống nhân văn bản địa để thể hiện một cái nhìn tiến bộ của thời đại, và hẳn nhiên những nhân sinh đó có thể làm rung cảm nhân loại. Và chính Nguyễn Du đã truyền thêm cho con người sức mạnh để nỗ lực bởi chính ý chí, nghị lực và tài năng của con người sẽ ít nhiều giúp họ cải thiện được số phận.

5. Kết luận

Nghiên cứu nguồn gốc hình thành tư tưởng nhân văn Nguyễn Du còn cần chú ý tới những cơ sở hiện thực, đó chính là xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX với vô vàn những biến cố của lịch sử, sự khủng hoảng các giá trị và tiếng nói mới của quần chúng về những ước mơ giải phóng con người. Chính trong những tiền đề lịch sử đó, với trái tim mẫn cảm với con người và cuộc đời, được

nuôi dưỡng trong bầu không khí văn hóa đặc biệt của vùng đất Thăng Long, Hồng Lam; cùng với tâm thức sự “dung hợp” Nho - Phật - Đạo trong việc nhận định những vấn đề nhân sinh đã tạo nên một tư tưởng nhân văn đặc sắc mang đậm dấu ấn của nhân cách văn hóa Nguyễn Du, đồng thời là sự tiếp nối phát triển truyền thống nhân văn dân tộc Việt Nam. Sau Nguyễn Du, những vấn đề mà ông đề cập đã được các nhà tư tưởng Việt Nam kế thừa và hoàn thiện hơn nữa./.

Đ.T.H

1. Nguyễn Du về tác gia và tác phẩm (2002), Nxb. giáo dục, Hà Nội, tr. 168.

2. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 33.

3. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2004), *Ngữ văn Hán Nôm*, tập 1 (Tứ thư, bản dịch *Luận ngữ, Thuật nhị*). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 473.

Tài liệu tham khảo khác

1. Đại thi hào dân tộc danh nhân văn hóa Nguyễn Du (2015), Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phan Ngọc (1985), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Trần Trọng Kim (2012), *Nho giáo*, Nxb. Thời Đại.

4. Thích Thanh Từ (2005), *Phật giáo trong mạch sống dân tộc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Đậu Thị Hồng: *Cultural roots shaped Nguyen Du's thought*

A school of philosophy, an ideology or a behavior of an individual has its origin and is regulated by a number of factors. It is a complex of interwoven regulating factors. Consideration of individual factors as the origin of the schools or the thought is less likely to provide accurate and comprehensive description. However, it is necessary to study it in a relation with the manifestations of thought. The writer's view is Nguyen Du's humanist ideology is based on the two key factors: special theoretical premises that were the cultural roots Nguyen Du absorbed throughout his life and the reality of Vietnamese society in the late eighteenth and early nineteenth centuries. Within the scope of this article, the author discusses cultural roots - an important spiritual foundation in shaping Nguyen Du's humanitarian thought.

Key words: Humanitarian thought, culture, Nguyen Du, national history.